

Số: 08/2024/QĐST-HNGĐ

Tứ Kỳ, ngày 21 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu xác định cha cho con

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Vương Đình Thi.

Thư ký phiên họp: Bà Đỗ Thị Anh – Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Vũ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 242/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024 về việc yêu cầu xác định cha cho con theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã L, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Thôn N1, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Thanh H, Luật sư của Văn phòng luật sư B, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Đặng Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn N1, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; (vắng mặt)

+ Anh Phạm Hùng T1, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn Q1, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; (vắng mặt)

+ Cháu Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 01/01/2024 (theo giấy chứng sinh); địa chỉ: Thôn N1, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Người đại diện hợp pháp của cháu N: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn N1, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu, quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu là anh Nguyễn Văn K trình bày: Ngày 10/5/2023, anh có đăng ký kết hôn với chị Đặng Thị T tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã L, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải

Phòng. Trước khi kết hôn với anh, chị T có chồng là anh Phạm Hùng T1 và đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 61/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2023 của Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Đến ngày 01/01/2024, chị T sinh 01 con dự kiến khai sinh là Nguyễn Ngọc Kim N. Anh xác định đây là con chung của anh và chị T. Tuy nhiên vì cháu N sinh trong thời gian 300 ngày kể từ ngày chị T ly hôn anh T1 ngày 19/4/2023 nên anh chị không làm khai sinh cho cháu N được (theo Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014). Anh xác định cháu N là con đẻ của anh, để đảm bảo quyền lợi của cháu N về cuộc sống cũng như các giấy tờ liên quan đến nhân thân của cháu sau này, cũng không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của anh Phạm Hùng T1 quy định tại Điều 88 của Luật Hôn nhân và gia đình nên anh đã làm thủ tục xét nghiệm ADN tại công ty TNHH Công nghệ di truyền NOVAGEN. Tại kết quả xét nghiệm ADN số 6163H/2024 ngày 01/8/2024 của Công ty TNHH công nghệ di truyền NOVAGEN kết luận: "Nguyễn Văn K có quan hệ huyết thống Cha-Con với Nguyễn Ngọc Kim N, độ tin cậy trên 99,999999%".

Theo quy định tại khoản 1 Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Người không được nhận là cha, mẹ của một người có thể yêu cầu Toà án xác định người đó là con mình*" nên anh đã làm đơn yêu cầu Toà án xác định anh là cha của cháu Nguyễn Ngọc Kim N (tên khai sinh dự kiến), sinh ngày 01/01/2024 theo giấy chứng sinh số 10, quyển 01, nơi cấp Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đặng Thị T trình bày: Ngày 10/5/2023, chị và anh Nguyễn Văn K có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Trước khi kết hôn với anh K, chị đã có chồng là anh Phạm Hùng T1 và chị đã ly hôn anh T1 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 61/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2023 của Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ. Trong thời kỳ hôn nhân với anh K, chị đã sinh 01 con chung dự kiến khai sinh là cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 01/01/2024. Tuy nhiên vì cháu N sinh trong thời gian 300 ngày kể từ ngày ly hôn anh T1 ngày 19/4/2023 nên chị chưa đăng ký khai sinh cho cháu N là con anh K được. Để đảm bảo quyền lợi của cháu N về cuộc sống cũng như các giấy tờ liên quan đến nhân thân của cháu sau này, cũng không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của anh Phạm Hùng T1, anh K đã làm thủ tục xét nghiệm ADN tại công ty TNHH Công nghệ di truyền NOVAGEN. Tại kết quả xét nghiệm ADN số 6163H/2024 ngày 01/8/2024 của Công ty TNHH công nghệ di truyền NOVAGEN kết luận: "*Nguyễn Văn K có quan hệ huyết thống Cha - Con với Nguyễn Ngọc Kim N, độ tin cậy trên 99,999999%*".

Anh K đã yêu cầu Toà án xác định anh K là cha của cháu Nguyễn Ngọc Kim N, chị hoàn toàn nhất trí và đồng ý với yêu cầu của anh Nguyễn Văn K. Đề nghị Toà án xác định anh Nguyễn Văn K là cha của cháu Nguyễn Ngọc Kim N (tên khai sinh dự kiến), sinh ngày 01/01/2024 theo giấy chứng sinh số 10, quyển 01, nơi cấp Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Hùng T1 trình bày: Năm 2009, anh kết hôn với chị Đặng Thị T. Do vợ chồng mâu thuẫn sống ly thân nhau 02 năm, sau đó mới làm thủ tục ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 61 ngày 19/4/2023. Sau khi ly hôn anh, chị T đã kết hôn với anh Nguyễn Văn K và sinh con ngày 01/01/2024 là cháu Nguyễn Ngọc Kim N. Anh xác định cháu N không phải là con đẻ của anh. Vì trước khi ly hôn, anh và chị T có thời gian ly thân không còn qua lại tình cảm gì với nhau. Nay anh K có đơn yêu cầu xác nhận cháu Nguyễn Ngọc Kim N là con đẻ của anh K, anh không có ý kiến gì. Anh từ chối việc giám định giữa anh và cháu N. Ngoài ra, anh không yêu cầu, đề nghị gì khác. Do anh đi làm xa, anh đề nghị Toà án cho anh vắng mặt tại phiên họp, giải quyết việc dân sự.

Tại Bản kết luận giám định ADN số 29T08/24/DNA ngày 29 tháng 8 năm 2024, Công ty TNHH đầu tư và công nghệ Genplus kết luận: Nguyễn Văn K có quan hệ huyết thống bố - con với Nguyễn Ngọc Kim N, độ tin cậy > 99,9999%.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự xác định: Có đủ cơ sở kết luận anh Nguyễn Văn K là cha đẻ của cháu Nguyễn Ngọc Kim N sinh ngày 01/01/2024 theo quy định tại Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 10 Điều 29, khoản 2 Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149, khoản 2, 3 Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 88, Điều 101 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 36 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xác định anh Nguyễn Văn K là cha đẻ của cháu Nguyễn Ngọc Kim N sinh ngày 01/01/2024, anh Nguyễn Văn K được miễn nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ thụ lý giải quyết việc dân sự xác định cha cho con đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết và tại phiên họp đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án: Căn cứ Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 10 Điều 29, khoản 2 Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39, 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, giải quyết như sau: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn K về việc xác định cha cho con chưa thành niên. Xác định anh Nguyễn Văn K là cha đẻ cháu Nguyễn Ngọc Kim N (tên khai sinh dự kiến), sinh ngày 01/01/2024. Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn K không phải chịu tiền lệ phí xác định cha cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Anh Nguyễn Văn K là người yêu cầu xác định cha cho con, có nơi ở hiện tại thôn N1, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương,

Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết việc hôn nhân và gia đình là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm t khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi thụ lý, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý việc dân sự, Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự và Giấy triệu tập cho những người tham gia phiên họp. Tại phiên họp, những người tham gia phiên họp đều đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt những người tham gia tố tụng là phù hợp với khoản 2, khoản 3 Điều 367, khoản 2 Điều 369 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu: Anh Nguyễn Văn K anh có đăng ký kết hôn với chị Đặng Thị T tại UBND xã L, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 10/5/2023. Trước khi kết hôn với anh K, chị T có chồng là anh Phạm Hùng T1 và đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 61/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2023 của Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Đến ngày 01/01/2024, chị T sinh 01 con theo Giấy chứng sinh số 10, quyển số 01, mã GCS: 00010.GCS.31324.24 của Bệnh viện Quốc tế Green với thông tin: Họ tên mẹ/Người nuôi dưỡng: Đặng Thị T; ngày sinh mẹ: 08/9/1990; nơi cư trú: L, Thủy Nguyên, Hải Phòng; số CCCD: 030190011713; họ và tên cha: Nguyễn Văn K; đã sinh con vào lúc 01/01/2024 16:17:00 tại Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green; số con trong lần sinh này: 01; Giới tính của con: Nữ; dự định đặt tên con là: Nguyễn Ngọc Kim N. Mặc dù cháu được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa anh K và chị T nhưng lại trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân (ngày 19/4/2023) giữa chị T và anh T1 nên anh chị không làm khai sinh cho cháu với họ tên cha Nguyễn Văn K được, do vậy anh K yêu cầu Tòa án giải quyết xác định anh là cha của cháu N. Tại Bản kết luận giám định ADN số: 29T08/24/DNA ngày 29 tháng 8 năm 2024, Công ty TNHH đầu tư và công nghệ Genplus kết luận: Nguyễn Văn K có quan hệ huyết thống bố - con với Nguyễn Ngọc Kim N, độ tin cậy > 99,9999%. Chị Đặng Thị T cũng thừa nhận anh Nguyễn Văn K là cha của cháu N; còn anh Phạm Hùng T1 xác định cháu N không phải là con của anh, anh K xác định cháu là con của anh K, anh không có ý kiến gì. Như vậy, có đủ căn cứ xác định anh Nguyễn Văn K là bố đẻ của người có tên dự kiến Nguyễn Ngọc Kim N sinh ngày 01/01/2024 theo Giấy chứng sinh số 10, quyển số 01, mã GCS: 00010.GCS.31324.24 của Bệnh viện Quốc tế Green nên cần chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn K xác định người có tên dự kiến Nguyễn Ngọc Kim N không phải là con đẻ của anh Phạm Hùng T1 mà là con đẻ của anh Nguyễn Văn K là phù hợp với quy định tại Điều 88, khoản 1 Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Văn K yêu cầu xác định cha cho con chưa thành niên và có đề nghị miễn lệ phí sơ thẩm nên được miễn nộp tiền lệ phí là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 16 và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 88, khoản 1 Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm t khoản 2 Điều 39, các điều 367, 369, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về xác định cha cho con: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn K. Xác định anh Nguyễn Văn K sinh năm 1988, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã L, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng (căn cước công dân số: 031088002839) là bố (cha) đẻ của người có tên dự kiến Nguyễn Ngọc Kim N sinh ngày 01/01/2024 theo Giấy chứng sinh số 10, quyển số 01, mã GCS: 00010.GCS.31324.24 của Bệnh viện Quốc tế Green.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Miễn nộp tiền lệ phí dân sự sơ thẩm cho anh Nguyễn Văn K.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

- Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

(đã ký)

Vương Đình Thi